

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 933/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Hồng T, sinh năm 1959; thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị M, sinh năm 1961; thường trú: Số 220/20 đường D, khu phố Đ, phường E, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

(Ông Phan Hồng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Hồ Thị M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan Hồng T trình bày:

Ông Phan Hồng T và bà Hồ Thị M có thời gian tìm hiểu được 03 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An vào tháng 10/1982, tuy nhiên ông T đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đến năm 1995, ông T đưa bà M cùng các con vào tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Ông T và bà M chung sống với nhau rất ít do công việc của ông T thường xuyên vắng nhà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà M ghen tuông vô cớ, nhiều lần đến nơi ông T làm việc để gây rối, làm ảnh hưởng đến công việc của ông T, giữa vợ chồng bắt đầu quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, ông T và bà M đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Năm 2018, ông T đã nộp đơn xin ly hôn với bà M tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tuy nhiên sau đó ông T rút đơn khởi kiện. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà M, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà M có 04 người con chung là Phan Thị H1, sinh ngày 15/6/1984; Phan Thị H2, sinh ngày 15/11/1987; Phan Thị Th, sinh ngày 05/9/1989 và Phan Minh H3, sinh ngày 04/10/1992. Các con đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Hồ Thị M:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản phôi đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai vào ngày 30/9/2019; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/10/2019; tham gia phiên tòa ngày 11/11/2019 và 28/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 18/10/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa ông Phan Hồng T và bà Hồ Thị M tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường E và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường E không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Hồng T và bà Hồ Thị M. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa ông T và bà M, do đó không biết rõ giữa ông T, bà M có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải

quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phan Hồng T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn bà Hồ Thị M, bà M có nơi cư trú tại địa chỉ số 220/20 đường D, khu phố Đ, phường E, thị xã E, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Phan Hồng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Hồ Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Hồng T và bà Hồ Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1982. Căn cứ đơn xin xác nhận ngày 12/9/2019 (bút lục số 07), Ủy ban nhân dân xã B đã xác nhận ông T và M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Theo nguyên đơn ông T trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bà M ghen tuông vô cớ, thường đến nơi làm việc của ông T gây rối và làm ảnh hưởng công việc của ông T, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ông T và bà M sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà M kéo dài, năm 2018 ông T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tòa án đã triệu tập bà M có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà M không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà M có 04 người con chung là Phan Thị H1, sinh ngày 15/6/1984; Phan Thị H2, sinh ngày 15/11/1987; Phan Thị Th, sinh ngày 05/9/1989 và Phan Minh H3, sinh ngày 04/10/1992. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hồng T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hồng T đối với bị đơn bà Hồ Thị M về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Hồng T được ly hôn với bà Hồ Thị M (Đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An).

- Về con chung: Ông Phan Hồng T và bà Hồ Thị M có 04 người con chung là Phan Thị H1, sinh ngày 15/6/1984; Phan Thị H2, sinh ngày 15/11/1987; Phan Thị Th, sinh ngày 05/9/1989 và Phan Minh H3, sinh ngày 04/10/1992. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029282 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang

